

Số: /GPMT-STNMT

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày tháng 9 năm 2022

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 1616/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn về bảo vệ môi trường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 902/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2015 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường;*

*Xét hồ sơ kèm theo văn bản số 11/2022/CV-LSF đề ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Công ty TNHH Khí công nghiệp Long Sơn về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án Nhà máy khí công nghiệp Long Sơn (công suất 244.300 tấn sản phẩm/năm);*

*Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số ..... /TTr-CCBVMT ngày ..... tháng..... năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Khí Công nghiệp Long Sơn, địa chỉ tại thôn 2, xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Nhà máy khí công nghiệp Long Sơn (công suất 244.300 tấn sản phẩm/năm) tại thôn 2, xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy khí công nghiệp Long Sơn.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn 2, xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên mã số 3502383383 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp (đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2018, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09 tháng 8 năm 2022); Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 2174736061 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa -

Vững Tàu chứng nhận lần đầu ngày 16 tháng 12 năm 2020, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 01 ngày 12 tháng 01 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 3502383383.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất khí công nghiệp (thuộc dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng công suất thiết kế sản xuất khí công nghiệp của dự án là 244.300 tấn sản phẩm/năm bao gồm: Khí Nitơ công suất 12.500 Nm<sup>3</sup>/h tương đương 135.000 tấn sản phẩm/năm, khí oxy công suất 8.500 Nm<sup>3</sup>/h tương đương 105.000 tấn sản phẩm/năm và khí argon công suất 280 Nm<sup>3</sup>/h tương đương 4.300 tấn sản phẩm/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Khí Công nghiệp Long Sơn**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Khí Công nghiệp Long Sơn có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: **07 năm** (theo đề nghị của chủ dự án đầu tư).  
(từ ngày tháng 9 năm 2022 đến ngày tháng 9 năm 2029).

**Điều 4.** Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Vũng Tàu tham mưu tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Cty TNHH Khí công nghiệp Long Sơn;
- Bộ TNMT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- BGĐ Sở TNMT (b/c);
- Sở Xây dựng;
- Công an tỉnh;
- UBND thành phố Vũng Tàu;
- Phòng TNMT thành phố Vũng Tàu;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Trung tâm CNTT TN&MT (*đăng trên cổng thông tin điện tử của Sở*);
- Lưu: VT, CCBVMT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Anh Tú**

## Phụ lục 1

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-STNMT ngày ..... tháng ..... năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

##### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn 01: Nước thải sinh hoạt từ vệ sinh và nhà bếp (05 m<sup>3</sup>/ngày đêm).
- Nguồn 02: Nước thải làm mát (170 m<sup>3</sup>/ngày đêm).

##### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Vịnh Gành Rái.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Thôn 2, xã Long Sơn, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Tọa độ vị trí xả nước thải: Vị trí xả thải ra cống thoát chung: X =1157675; Y=424735 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°), sau đó theo địa hình tự nhiên chảy về vịnh Gành Rái.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 175 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

Phương thức xả nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A sẽ theo đường ống DN65 bơm về điểm đầu nối nước thải chung với nước làm mát sau đó theo đường ống HDPE DN110 dẫn nước thải đầu nối vào mương hộp đập đan kích thước 90x130cm của khu vực trên đường vào KCN dầu khí Long Sơn.

Phương thức xả nước thải làm mát: Nước làm mát sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột A sẽ theo đường ống sắt DN100 dẫn về vị trí đầu nối chung với nước thải sinh hoạt, sau đó theo đường ống HDPE DN110 dẫn nước thải đầu nối vào mương hộp đập đan kích thước 90x130cm của khu vực trên đường vào KCN dầu khí Long Sơn .

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Bơm cưỡng bức.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, K = 1) - áp dụng cho nước thải sinh hoạt; QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A; K<sub>q</sub> = 0,9 và K<sub>f</sub> =1,1) - áp dụng cho nước thải làm mát, cụ thể như sau:

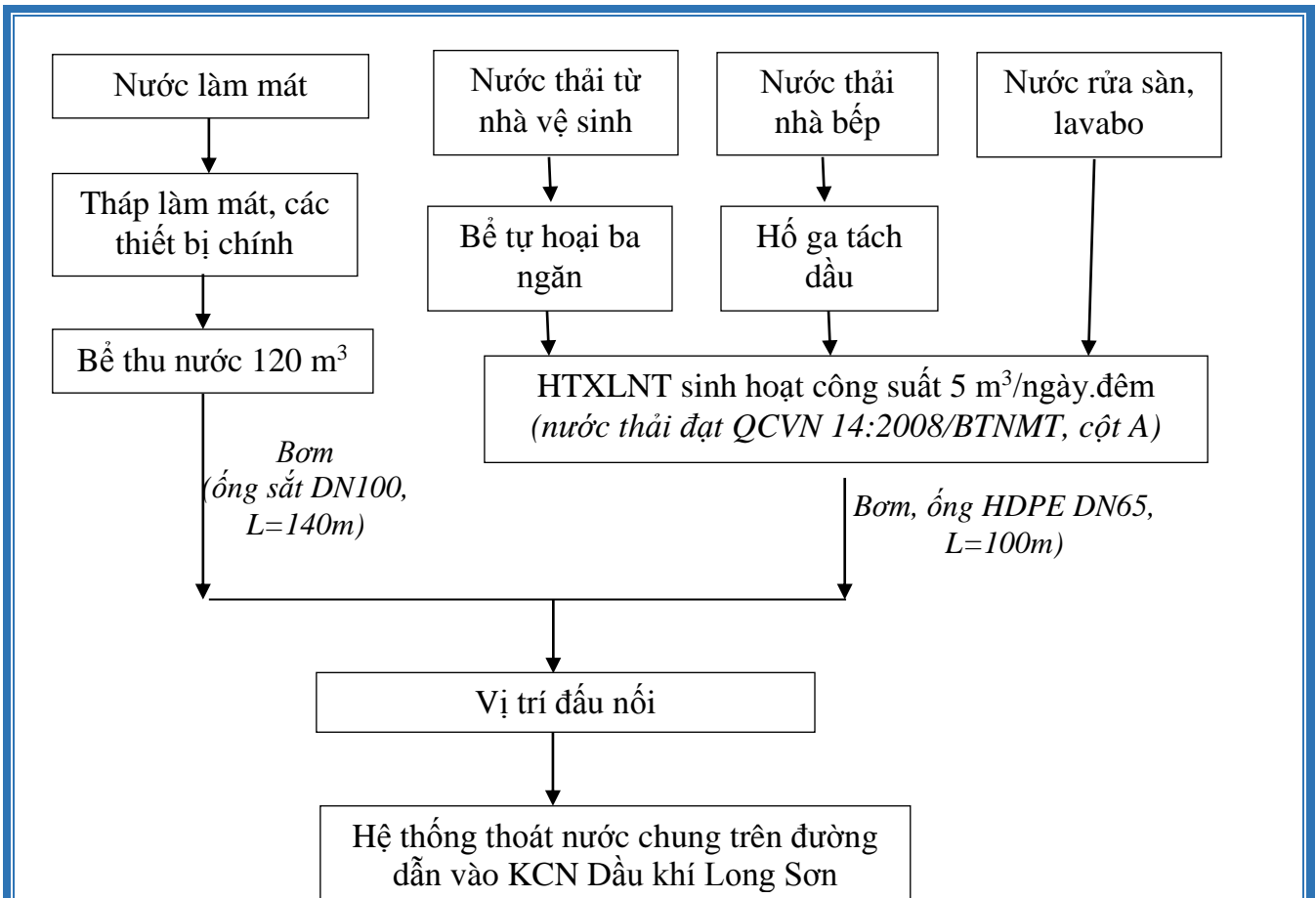
TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K =1)	Nước thải làm mát QCVN 40:2011/BTNMT (cột A; (K <sub>q</sub> =0,9, K <sub>f</sub> =1,1)		
1	pH	-	5-9	6-9	Không	Không

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
			Nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột A, K =1)	Nước thải làm mát QCVN 40:2011/BTNMT (cột A; (K <sub>q</sub> =0,9, K <sub>f</sub> =1,1)		
					thuộc đối tượng	thuộc đối tượng
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	30	29,7	-	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	50	49,5	-	-
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	-	-	-
5	Sunfua	mg/l	1	-	-	-
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	-	-	-
7	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	6	-	-	-
8	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	30	-	-	-
9	Tổng Nito	mg/l	-	19,8	-	-
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	-	-	-
11	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	-	-	-
12	Tổng coliform	MPN/100ml	3.000	-	-	-
13	COD	mg/l	-	74,25	-	-
14	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	-	3,96	-	-
15	Clo dư	mg/l	-	0,99	-	-
16	Fe	mg/l	-	0,99	-	-
17	Zn	mg/l	-	2,97	-	-

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải



## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

### a. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải đầu vào (sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại/ hố ga tách dầu) => Bể tách dầu mỡ => Bể điều hòa => Bể Anoxic 1 => bể MBBR => Bể Anoxic 2 => Bể MBR => Bể trung gian => Nước thải sau xử lý (đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A) => đầu nối thoát nước thải.

Công suất thiết kế: 5 m<sup>3</sup>/ngày.

Hóa chất sử dụng: Javen 10% : 0,2 kg/ngày.

### b. Công trình xử lý nước làm mát

Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước làm mát => Bể thu nước (lắng cặn, giảm nhiệt độ và kiểm tra chất lượng nước đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A) => đầu nối thoát nước thải.

Công suất thiết kế: Bể lắng dung tích 120 m<sup>3</sup>.

Hóa chất sử dụng: Chống cấu cặn và ăn mòn: CHEMAQUA 15000 MT, Chống ăn mòn: CHEMAQUA 52885 hoặc 31155, Chống vi sinh kỵ khí: MB 215, Javel 10%.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế.
- Sử dụng vật liệu có độ bền cao và chống ăn mòn.
- Có thiết bị dự phòng cho máy móc, thiết bị của hệ thống.
- Thường xuyên giám sát chất lượng nước thải.
- Lập kế hoạch bảo trì định kỳ các máy móc, thiết bị.
- Các bể ngầm đều được xây dựng có nắp đậy kín, thang ở dưới để khi có sự cố có thể mở nắp ra và kiểm tra, khắc phục sự cố kịp thời.
- Thực hiện vớt bùn nổi từ bể vi sinh và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom triệt để.
- Khi có sự cố rò rỉ hay vỡ đường ống cống, công ty phối hợp đơn vị chuyên môn sửa chữa kịp thời.
- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã hướng dẫn và vận hành thường xuyên.
- Lập hồ sơ giám sát kỹ thuật; thực hiện lấy mẫu và phân tích chất lượng nước sau xử lý để đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống.
- Trong trường hợp xảy ra sự cố như nghẹt bơm, vỡ đường ống hoặc nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn tiến hành ngưng hoạt động hệ thống để kiểm tra, sửa chữa. Nước thải trong thời gian này được lưu chứa trong bể điều hòa và quay vòng xử lý khi hệ thống được khắc phục.
- Đối với sự cố chết vi sinh xử lý: tắt sục khí để lắng 1 tiếng, tiến hành bơm nước thải ra và bơm nước sạch vào bể MBBR sục khí 30 phút và để lắng, tiếp tục bơm nước ra và kiểm tra toàn bộ thông số của nước thải đầu vào.
- Đối với sự cố quá tải: kiểm tra tính chất nước thải đầu vào và các công đoạn xử lý trước khi nước thải đi vào bể vi sinh vật hiếu khí. Để khắc phục hiện tượng bọt nổi nhiều do vi sinh vật trong bể rất ít, cần bổ sung thêm lượng vi sinh vật trong bể.
- Đối với sự cố vi sinh thiếu thức ăn: tăng lưu lượng nước cần xử lý hoặc bổ sung thêm các chất hữu cơ tự nhiên cho vi sinh vật phát triển.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 3-6 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 5 m<sup>3</sup>/ngày.

### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Stt	Giai đoạn	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu	Số lượng mẫu	Chỉ tiêu quan trắc
<b>I Giai đoạn vận hành ổn định</b>					
1	HTXL nước thải sinh hoạt	Đầu vào: Tại hố thu gom	Mẫu đơn	1	Lưu lượng, pH, BOD <sub>5</sub> , TSS, tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, nitrat, phosphat, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng dầu mỡ động thực vật, tổng coliform
		Đầu ra: Tại bể chứa nước thải sau xử lý	Mẫu đơn	3	

### 2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn cho phép: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A (k = 1)
1	pH	-	5-9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	30
3	TSS	mg/l	50
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
5	Sunfua	mg/l	1,0
6	Amoni	mg/l	5
7	Phosphat	mg/l	6
8	Nitrat	mg/l	30
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10
11	Tổng coliform	MPN/100ml	3.000

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

**Giai đoạn vận hành ổn định:** Sau khi kết thúc giai đoạn điều chỉnh sau 10 ngày sẽ lấy mẫu giai đoạn vận hành ổn định lấy trong 3 ngày liên tiếp.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đấu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.3. Thực hiện các biện pháp quản lý và giải pháp công trình đối với nước mưa chảy tràn để giảm thiểu úng ngập do việc thực hiện dự án; đảm bảo việc tiêu thoát nước cho khu vực xung quanh dự án.

3.4. Phối hợp với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi triển khai dự án để được kiểm tra, giám sát quá trình vận hành thử nghiệm. Tự chịu trách nhiệm đối với nội dung kế hoạch vận hành thử nghiệm và toàn bộ quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải và thực hiện các trách nhiệm khác quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Bảo đảm bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của nhà máy.

3.6. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép trước khi xả thải ra môi trường.

**Phụ lục 2****CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI  
TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-STNMT ngày ..... tháng ..... năm 2022  
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Thường xuyên theo dõi, bảo trì, kiểm tra độ mòn chi tiết, định kỳ tra dầu bôi trơn, thay các chi tiết hư hỏng, kiểm tra sự cân bằng của máy móc khi lắp đặt.
- Lắp đặt các đệm chống ồn, rung bằng cao su cho các máy móc, thiết bị.
- Trồng nhiều cây xanh quanh hàng rào nhà máy.

**2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác**

- 2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được kiểm soát, giảm thiểu bảo đảm các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung tại các quy định liên quan (nếu có).
- 2.2. Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn.

**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,**  
**PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-STNMT ngày ..... tháng ..... năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh**

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên**

TT	Loại chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	36	16 01 06
2	Hộp chứa mực in thải	Rắn	24	08 02 04
3	Giẻ lau nhiễm dầu	Rắn	60	18 02 01
4	Bao bì nhựa cứng thải (can nhựa)	Rắn	48	18 01 03
5	Bao bì kim loại cứng thải (thùng sơn)	Rắn	72	18 01 02
6	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Rắn	360	17 02 04
7	Ắc quy chì thải	Lỏng	20	19 06 01
<b>Tổng cộng</b>			<b>620</b>	

\* Vật liệu hấp phụ MS 17 tấn/lần thay thế/ 10 năm.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh: vụn sắt thép từ bảo trì, bùn thải từ HTXLNT sinh hoạt, cặn lắng từ hệ thống làm mát thiết bị,... khối lượng khoảng 84 kg/tháng

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh**

TT	Mã chất thải	Khối lượng (kg/tháng)
1	Rác thải sinh hoạt	720
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>720</b>

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy dung tích 120 lít, dán nhãn CTNH theo từng mã riêng biệt.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích khu vực lưu chứa: 6 m<sup>2</sup>, kích thước: LxRxC = 3 x 2 x 3,4 (m).

- Thiết kế, cấu tạo khu vực lưu chứa: xây bằng tường gạch, tráng vữa, sàn được tráng bê tông và có rãnh chống tràn khi có sự cố, có mái che toàn bộ kho chứa bằng tôn.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa 120 lít.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích: 6 m<sup>2</sup>, kích thước: LxRxC = 3 x 2 x 3,4 (m);

- Thiết kế, cấu tạo của kho: diện tích 6 m<sup>2</sup>, kích thước: LxRxC = 3 x 2 x 3,4 (m), đặt tại phía Bắc dự án, gần khu vực lưu giữ CTNH của dự án, khu lưu chứa được xây bằng tường gạch, tráng vữa, sàn được tráng bê tông, có rãnh chống tràn khi có sự cố, có mái che toàn bộ kho chứa bằng tôn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy dung tích 45, 60, 120 lít. Phân loại rác tại nguồn.

2.3.2. Khu vực lưu chứa

- Diện tích: 4 m<sup>2</sup>, kích thước: LxRxC = 2 x 2 x 3,4 (m)

- Thiết kế, cấu tạo của kho: đặt tại phía Bắc dự án, được xây bằng tường gạch, tráng vữa, sàn được tráng bê tông, có rãnh chống tràn khi có sự cố, có mái che toàn bộ kho chứa bằng tôn.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.

- Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu theo đúng quy định.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số ..... /GPMT-STNMT ngày..... tháng ..... năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Không

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
3. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
4. Thực hiện trách nhiệm của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 53 của Luật Bảo vệ môi trường; có trách nhiệm thực hiện kinh tế tuần hoàn theo quy định./.